TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/KDTM-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tống Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan

Ông Ngô Kim Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST- KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H; địa chỉ số 59-61 đường Nguyễn Tri P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Ngọc T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1981; địa chỉ P. 1204, CT 12C, khu đô thị K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 31-3-2017).

2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ P. 1204, CT 12C, khu đô thị K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền ngày 31-3-2017)

- Bị đơn: Công ty cổ phần XLDK 2; địa chỉ số 01 đường Đ, cụm công nghiệp A, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quốc T; chức vụ cổ đông Công ty cổ phần XLDK 2 (theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 11/8/2017 về việc cử người đại diện theo pháp luật).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1979; số chứng minh thư nhân dân: 163xxxxxx do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 18 tháng 03 năm 2009; nơi cư trú: Xóm 3 Mỹ T, xã Mỹ X, thành phố N, tỉnh Nam Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 29-8-2017).

(Bà Vũ Thị N có mặt tại phiên tòa; Bà Nguyễn Thị Thanh X có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị N và ông Nguyễn Tiến Q trình bày:

Ngày 01-12-2011 Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty cổ phần xây lắp DK2 (sau đây gọi tắt là Công ty DK2) cùng nhau ký hợp đồng kinh tế số 109/HĐKT - BT. Người ký là ông Dương Ngọc T, chức vụ: Tổng giám đốc Công ty H và ông Hoàng Xuân T, chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty DK2. Hợp đồng có các nội dung cơ bản như sau:

Hàng hóa: Công ty H bán bê tông tươi cho Công ty DK2 thực hiện công trình tòa nhà văn phòng PV Gas D &PV Gas tại: 61B đường 40/4 phường Thống Nhất, thành phố Vũng Tàu.

Giá cả: Theo từng mác bê tông. Đơn giá bê tông có thể thay đổi trong quá trình triển khai hợp đồng nếu giá vật tư mua vào để sản xuất bê tông tươi tăng lên theo giá thị trường và được sự chấp thuận của Công ty H bằng văn bản chính thức.

Giá trị hợp đồng: Được tính theo khối lượng bê tông tươi thực tế cung cấp nhân với đơn giá bê tông đã báo giá.

Thanh toán: Công ty DK2 sẽ thanh toán cho Công ty H dựa trên khối lượng thực tế trên phiếu giao hàng được ký giữa hai bên vào mỗi đợt cung cấp hàng. Công ty DK2 sẽ thanh toán cho Công ty H trong vòng 15 ngày kể từ ngày cung cấp hóa đơn tài chính VAT. Quá thời hạn thanh toán thì Công ty DK2 phải thanh toán cho Công ty H theo lãi suất Ngân hàng đầu tư phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với số tiền trả chậm lô hàng trước nhưng không quá 07 ngày. Công ty H vào đợt kế tiếp nếu Công ty DK2 chậm thanh toán.

Ngoài ra hợp đồng còn một số điều khoản quy định khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi hợp đồng được ký kết và căn cứ vào thực tiễn của Công ty DK2, công ty H đã tiến hành giao và bơm bê tông, từ ngày 26-12-2011 đến ngày 26-3-2012 với số lượng là 512,6m^3 thành tiền là 681.198.004 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán, hóa đơn giá trị gia tăng và các tài liệu cần thiết cho Công ty DK2. Tính đến thời điểm ngày 28-02-2017, tổng số tiền Công ty DK2 đã thanh toán cho Công ty H là 436.285.954 đồng. Ngày 04-9-2012, Công ty DK2 đã gửi công văn số 88/XLDK2-TCKT đến Công ty H, theo đó xác nhận số tiền nợ gốc Công ty DK2 còn phải thanh toán cho Công ty H là 249.912.050 đồng. Đến ngày 05-02-2016 Công ty DK2 đã thanh toán thêm cho Công ty H số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy tính đến thời điểm hiện tại, Công ty DK2 còn phải thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc là: 244.912.050 đồng. Công ty H đã nhiều lần làm việc trực tiếp cũng như gửi văn bản đề nghị Công ty DK2 thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty H nhưng Công ty DK2 vẫn trì hoãn việc thanh toán nên đã gây ra nhiều tổn thất và khó khăn cho Công ty H trong quá trình hoạt động kinh doanh. Hiện tại Công ty H đề nghị Tòa án buộc Công ty DK2 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 04-9-2012 đến ngày 22-9-2017, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 244.912.050 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi đồng).

Số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 04-9-2012 đến ngày 05-02-2016 theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm X 150 % (lãi suất chậm thanh toán)/360 ngày = tiền lãi của một ngày X 1231 ngày X số nợ gốc 249.912.050 đồng là 115.365.650 đồng. Số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 05-02-2016 đến ngày 22-9-2017 theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm X 150 % (lãi suất chậm thanh toán)/360 ngày = tiền lãi của một ngày X 587 ngày X số nợ gốc 244.912.050 đồng là 53.911.265 đồng. Tổng số tiền lãi là 169.276.915 đồng (Một trăm sáu mươi chín triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm mười lăm đồng). Tổng số tiền Công ty DK2 còn phải thanh toán cho Công ty H là 414.188.965 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đề nghị Tòa án quyết định theo pháp luật.

- Trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đào Quốc T và bà X trình bày:

Ngày 01-12-2011 Công ty H và Công ty DK2 ký hợp đồng kinh tế số 109/HĐKT - BT về việc Công ty H bán bê tông tươi cho Công ty DK2 thực hiện công trình tòa nhà văn phòng PV Gas D &PV Gas tại: 61B đường 40/4 phường Thống Nhất, thành phố Vũng Tàu. Hợp đồng có các nội dung, việc thực hiện hợp đồng và thanh toán tiền như Công ty H trình bày là đúng. Công ty DK2 không có tranh chấp gì về thẩm quyền người ký kết hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán. Hiện tại Công ty DK2 đang gặp khó khăn, Công ty không có việc làm, nên chưa có khả năng thanh toán tiền cho Công ty H. Công ty DK2 xác nhận số nợ còn lại của Công ty H số tiền 244.912.050 đồng. Về số tiền lãi chậm thanh toán: Công ty cổ phần

xây lắp DK2 không chấp nhận thanh toán lãi vì khả năng thanh toán gốc còn khó khăn. Quan điểm của Công ty DK2: Cuối năm 2019 đến đầu năm 2020 Công ty DK2 sẽ cố gắng trả 70.000.000 đồng nợ gốc, còn lại Công ty DK2 xin được miễn cụ thể: Đến cuối năm 2019 trả 40.000.000 đồng nợ gốc đến cuối năm 2020 sẽ trả 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Ý kiến về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Ý kiến về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 401, Điều 402, Điều 411, Điều 412, Điều 428, Điều 431, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005 buộc Công ty DK2 phải trả cho Công ty H số tiền gốc còn nợ 244.912.050 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 04-9-2012 đến ngày 05-02-2016 theo lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 9,1%/năm X 150 % (lãi suất chậm thanh toán/360 ngày = tiền lãi của một ngày X 1231 ngày X số nợ gốc 249.912.050 đồng là 116.647.490 đồng. Số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 05-02-2016 đến ngày 22-9-2017 theo lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 9,1%/năm X 150 % (lãi suất chậm thanh toán/360 ngày = tiền lãi của một ngày X 587 ngày X số nợ gốc 244.912.050 đồng là 54.510.279 đồng. Tổng số tiền lãi là 171.157.769 đồng. Tổng số tiền Công ty DK2 còn phải thanh toán cho Công ty H là 416.069.819 đồng.

Ngoài ra, Công ty DK2 còn phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-3-2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 08-5-2017 thì Công ty H khởi kiện đòi Công ty DK2 phải trả số tiền mua bê tông tươi còn nợ theo hợp đồng kinh tế giữa hai bên. Do vậy vụ án được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tại điểm 6.4 của hợp đồng kinh tế giữa các bên quy định: "...Nếu không thỏa thuận được việc tranh chấp sẽ đưa ra Tòa án kinh tế thành phố Vũng Tàu giải quyết". Nhưng trong hệ thống Tòa án không có Tòa Kinh tế thành phố Vũng Tàu mà chỉ có Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu nên thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp này không có giá trị pháp lý. Theo Giấy chứng nhận đăng ký

doanh nghiệp của Công ty DK2, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27-7-2010 thì Công ty DK2 có trụ sở chính tại địa chỉ: Số 1 đường Đồng Tiến, Cụm công nghiệp A, thành phố N, tỉnh Nam Định. Do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn trong vụ án là Công ty DK2 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Đức H chức vụ Tổng giám đốc Công ty. Tuy nhiên ông Phạm Đức H đã nộp cho Tòa án bản Hợp đồng lao động với Công ty DK2 có thời hạn làm việc đến hết ngày 26-7-2013, ngày 13-4-2013 ông Trương Đình K là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty đã chết nên ông H không ký thêm hợp đồng, không còn giữ chức vụ và làm người đại diện theo pháp luật của công ty nữa.

Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã ra Thông báo số 125/TB-TA ngày 17-7-2017 yêu cầu Công ty DK2 tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông để cử người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng. Tại biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty DK2 ngày 11-8-2017 đã cử ông Đào Quốc T là cổ đông công ty là người đại diện theo pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định ông Đào Quốc T là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29-8-2017 ông Đào Quốc T đã có văn bản ủy quyền cho bà X tham gia tố tụng. Bà X đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 BLTTDS vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên:

Ngày 01-12-2011 Công ty H và Công ty DK2 ký hợp đồng kinh tế số 109/HĐKT - BT về việc mua bán bê tông tươi. Hợp đồng được lập thành văn bản, đại diện theo pháp luật của công ty H – ông Dương Ngọc T – Tổng giám đốc ký hợp đồng, đại diện của công ty DK2 – ông Hoàng Xuân T – Phó Tổng giám đốc ký hợp đồng theo biên bản họp Hội đồng quản trị phân công công việc. Ngoài ra, hai bên không có tranh chấp và ý kiến gì về việc ký kết hợp đồng. Hợp đồng có đủ các nội dung theo quy định tại Điều 402 Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy hợp đồng giữa hai công ty là được giao kết hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty H đã nhiều lần bán bê tông tươi cho Công ty DK2. Giữa hai bên không có tranh chấp gì về số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng và thanh toán tiền mua bê tông, Công ty H đã cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán, hóa đơn giá trị gia tăng và các tài liệu cần thiết cho Công ty DK2.

[2.3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

Về số nợ gốc: Căn cứ vào công văn số 88/XLDK2-TCKT ngày 04-9-2012 của Công ty DK2 xác nhận số tiền nợ gốc Công ty DK2 còn phải thanh toán cho

công ty H là 249.912.050 đồng. Đến ngày 05-02-2016 Công ty DK2 đã thanh toán cho Công ty H số tiền 5.000.000 đồng. Lời khai xác nhận số tiền nợ của những người đại diện theo ủy quyền cho hai bên thì Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở để xác định Công ty DK2 hiện còn đang nợ số tiền mua bê tông của Công ty H là 244.912.050 đồng và có căn cứ buộc Công ty DK2 phải trả số nợ này.

Về lãi suất quá hạn do chậm thanh toán: Xét thấy, tại Khoản 4.2 Điều 4 hợp đồng kinh tế số 109/HĐKT - BT hai bên ký kết "Quá thời hạn thanh toán thì Công ty cổ phần xây lắp DK2 phải thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H theo lãi suất Ngân hàng đầu tư phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với số tiền trả chậm lô hàng trước nhưng không quá 07 ngày". Thỏa thuận trên trong hợp đồng không chỉ rõ về lãi suất cho vay hay lãi suất vay và thời hạn vay của Ngân hàng đầu tư phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đây cũng là thỏa thuận ràng buộc việc thanh toán giữa lô hàng trước và lô hàng sau nên thỏa thuận này không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại thì việc Công ty H yêu cầu Công ty DK2 phải trả tiền lãi quá hạn do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là đúng quy định của pháp luật. Công ty H yêu cầu Công ty DK2 trả lãi quá hạn do chậm thanh toán là theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm x 150% = 13,5%/năm và công ty DK2 không nhất trí thanh toán khoản tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ. Vì vậy, căn cứ vào án lệ số 09-2016 về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng tại địa phương tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm). Do đó Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn trung bình thấp nhất của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định là 9,1% x 150% = 13,65%/năm.

Thời gian tính lãi chậm thanh toán: Căn cứ công văn số 88/XLDK2-TCKT của Công ty DK2 đến Công ty H ngày 04-9-2012 về việc xác nhận nợ và đề nghị hoãn việc thanh toán nợ là 249.912.050 đồng nên yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 04-9-2012 đến ngày 05-02-2016 trên số tiền nợ gốc 249.912.050 đồng là 1231 ngày là có căn cứ; biên lai chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng ngày 05-02-2016 nên yêu cầu của Công ty H và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 05-02-2016 đến ngày 22-9-2017 trên số tiền nợ gốc 244.912.050 đồng là 587 ngày là đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: Lãi suất chậm thanh toán Công ty DK2 phải trả cho Công ty H từ ngày 04-9-2012 đến ngày 05-02-2016 là: 249.912.050 đồng X 13,65% /360 ngày X 1231 ngày = 116.647.490 đồng. Lãi suất chậm thanh toán Công ty DK2 phải trả cho Công ty H từ ngày 05-2-2016 đến ngày 22-9-2017 là: 244.912.050 đồng X 13,65% /360 ngày X 587 ngày = 54.510.279 đồng. Tổng số tiền lãi chậm thanh toán Công ty DK2 phải trả cho Công ty H là 171.157.769 đồng. Tổng số tiền Công ty DK2 phải trả cho Công ty H cả gốc và lãi là: 416.069.819 đồng.

[2.4] Về yêu cầu giảm nợ và gia hạn thời gian trả nợ của bị đơn:

Công ty DK2 có yêu cầu được giảm nợ đối với số nợ gốc chỉ còn 70.000.000 đồng và gia hạn thời gian trả nợ đến năm 2020 nhưng phía Công ty H không đồng ý giảm nợ và gia hạn thời gian trả nợ nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ quy định tại điểm 4.1 Điều 4 của hợp đồng, khoản 1 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 về việc bên mua phải trả đủ tiền vào đúng thời điểm đã thỏa thuận không chấp nhận yêu cầu giảm nợ và gia hạn thời gian trả nợ của Công ty DK2.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Công ty H không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tiền tạm ứng án phí Công ty H đã nộp khi khởi kiện sẽ được trả lại toàn bộ. Công ty DK2 có nghĩa vụ trả nợ nên sẽ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số nợ phải trả. Cụ thể là 20.000.000 đồng + 4% X 16.039.725 đồng = 20.642.792 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 401, Điều 402, Điều 411, Điều 412, Điều 428, Điều 431, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

- Căn cứ án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H.

Buộc Công ty cổ phần xây lắp DK2 phải trả cho Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H số tiền mua bê tông còn nợ là 244.912.050 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là 171.157.769 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu một trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng). Tổng cộng là 416.069.819 đồng (Bốn trăm mười sáu triệu không trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm mười chín đồng).

2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty cổ phần xây lắp DK2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần xây lắp DK2 phải nộp 20.642.792 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H khoản tiền tạm ứng án phí 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng) Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H đã nộp tại biên lai số 03644 ngày 03-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo:

Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H, bà Vũ Thị N, ông Nguyễn Tiến Q có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần xây lắp DK2 và bà X có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Công ty cổ phần bê tông và xây lắp H và Công ty cổ phần xây lắp DK2 có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Thị Kim Phượng